

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2021/HSST

Ngày: 11-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh .

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/HSST ngày 01/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc D (Tên gọi khác: Cu D), sinh ngày 18/10/1999 tại Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Hồng V; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: 01 lần, ngày 22/8/2020 bị Công an thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 09/11/2020; tiền án: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 17/9/2021, bị cáo bị bắt, tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay. “có mặt”

2. Phạm Văn T, sinh ngày 02/02/1985, tại xã K, huyện C Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp 9, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Triệu Thị T; có vợ và 05 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền sự: 02 lần, ngày 19/9/2018 bị Công an huyện Cai Lay ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi sử dụng súng cò, chưa nộp phạt. Ngày 23/12/2020, bị Công an xã K, huyện C

ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau. Bị cáo đã nộp phạt ngày 31/12/2020; tiền án: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 21/9/2021, bị cáo bị bắt, tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy. “có mặt”

3. Võ Văn H, sinh ngày 09/01/2000, tại xã L, huyện C, Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H và bà Đồng Thị Th; có vợ và 01 người con sinh năm 2021; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 10/9/2021, bị cáo bị bắt, tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy. “có mặt”

4. Nguyễn Ngọc Tr (Tên gọi khác: N), sinh ngày 04/8/1997, tại xã K, huyện C, Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Bé H; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 27/8/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 10/9/2021, bị cáo bị bắt, tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy. “có mặt”

5. Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/3/1998, tại xã L, huyện C, Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị A; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 17/9/2021, bị cáo bị bắt, tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy. “có mặt”

6. Phan Văn K, sinh ngày 29/7/2001, tại xã T, huyện C, Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N và bà Văn Thị D; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy. “có mặt”

- Bị hại: Anh Phạm Văn Long Th (Tên thường gọi: Th L), sinh năm 1992, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “vắng mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thảo Nh, sinh năm 2000, nơi cư trú: Ấp Li, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “vắng mặt”

2. Bà Đồng Thị Th, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

3. Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp 9, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970, nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

5. Bà Ngô Thị Bé H, sinh năm 1963, nơi cư trú: Ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

6. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1966, nơi cư trú: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

7. Bà Văn Thị D, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Phạm Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Hoàng P và Phan Văn K là bạn bè chơi chung. Khoảng 22 giờ ngày 02/01/2021, các bị cáo D, H, Tr, K, P đi từ nhà anh Trần Quốc C, sinh năm 1985, nơi cư trú: Ấp 12, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang về chòi giữ vườn của bị cáo T thuộc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, khi đi ngang quán nhậu “Ấm thực H” (gần ngã tư H) thì bị cáo D nhìn thấy anh Th (Tên thường gọi: Th L) đang ngồi trong quán cùng với bạn. Do trước đây, bị cáo D có nghe Nguyễn Minh Th1 (bạn D), sinh năm 2003, nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang kể lại việc bị Th và người trong nhóm Th đánh Th1, làm Th1 bị hư một con mắt nên bị cáo D nảy sinh ý định gây thương tích cho Th. Khi cả nhóm D, H, Tr, K, P về đến chòi giữ vườn gặp bị cáo T, tại đây, bị cáo D nói với cả nhóm “Hồi nãy thấy Th L ngồi nhậu ngoài quán” rồi đi ra phía sau lấy 01 túi vải loại đựng cần câu màu xanh đen bên trong có 04 dao tự chế, đồng thời đi lên gác trong chòi lấy 01 túi màu đen bên trong có 02 khẩu súng loại bắn đạn cao su, bị cáo D đem túi đựng dao tự chế để dưới nền xi măng gần vị trí băng đá giữa chòi, còn bị cáo D ngồi xuống băng đá lấy 01 cây súng ra kiểm tra hộp tiếp đạn rồi để lại vào giỏ. Cả nhóm sau khi nghe bị cáo D nói thì đều biết rõ sẽ đi tìm anh Th để gây thương tích, nên các bị cáo H, K, P mỗi người tự lấy 01 cây dao tự chế loại bằng kim loại màu trắng, cán bằng gỗ, mũi nhọn, dài 110 cm, cầm trên tay, bị cáo D đeo túi da chứa súng trên người, lấy 01 cây dao tự chế loại bằng kim loại màu trắng dài 77 cm, cán bằng gỗ, đứng trong chòi nói với Tài “Giờ anh chờ em xuống cầu S đứng chặn đón Th L”. Cả nhóm đồng ý đi gây thương tích cho anh Th, lúc này, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 63P1-331. chở bị cáo D ngồi phía sau đeo túi da chứa súng và cầm 01 cây dao tự chế, bị cáo Tr điều khiển xe mô tô biển số 63P1-359. chở bị cáo K ngồi phía sau cầm 01 dao tự chế, bị cáo P điều khiển xe mô tô biển số 63P1-296. chở bị cáo H ngồi phía sau mỗi người đem theo 01 cây dao tự chế, cả nhóm điều khiển xe từ chòi đến cầu S, khi qua cầu khoảng 200m thì xe bị cáo T chở bị cáo D rẽ qua trái đường, dừng phía trước cổng “Ấp văn hóa B1” thuộc ấp B1, xã T, huyện C để chờ chặn đón anh Th gây thương tích. Sau khi cả nhóm dừng xe, bị cáo D đeo theo túi da chứa súng và cầm

01 cây dao tự chế cùng bị cáo H, bị cáo P mỗi người cầm 01 cây dao tự chế đi qua đứng cặp mé đường theo hướng Ngã tư H – T (hướng anh Th đi ngang về nhà) để đứng chặn đón, còn các bị cáo T, Tr, K đứng chờ gần vị trí các xe mô tô chờ sẵn để điều khiển xe tẩu thoát.

Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, anh Th điều khiển xe mô tô biển số 63P1–107.34 chở chị Nh; Dương Minh C, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp B2, xã T, huyện C điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Nguyễn Văn Minh N, sinh năm 1996, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện C đi ngang. Lúc này, các bị cáo D, H, P đứng chặn không chú ý nên để anh Th vượt qua, nhìn thấy anh Th chạy qua, bị cáo H liền truy hô, còn bị cáo D vừa chạy bộ đến vị trí xe dừng, vừa kêu đồng bọn truy đuổi, nghe vậy bị cáo T liền lấy xe điều khiển chở bị cáo D chạy trước, bị cáo Tr điều khiển xe chở bị cáo H và K tiếp theo, còn bị cáo P điều khiển xe một mình, tất cả cùng đuổi theo xe anh Th để gây thương tích. Khi đuổi theo một đoạn khoảng 1,5 km thì xe bị cáo T chở bị cáo D theo kịp xe anh Th chở chị Nh. Lúc này bị cáo T điều khiển xe ép sát xe anh Th từ bên trái vượt lên phía trước xe anh Th 01 đoạn thì bị cáo D tay phải cầm dao chém vào hướng anh Th 01 cái, tay trái cầm súng bắn vào người anh Th 01 phát, biết bị chặn đánh, anh Th điều khiển xe đánh lái về bên trái phía sau xe bị cáo T để vượt lên phía trước, tăng ga bỏ chạy thì bị cáo T chở bị cáo D tiếp tục đuổi theo và cả nhóm cũng vừa tới, bị cáo D sử dụng súng bắn tiếp tục 04 phát vào người anh Th. Khi đến đoạn xuống dốc cầu T (phía trước UBND xã T), do anh Th đã bị trúng nhiều phát đạn bị thương tích, lúc tháo chạy đã bị choáng nên anh Th té ngã xuống đường, anh Th và chị Nh bỏ xe cùng nhau chạy bộ vào phía trong lề đường thì bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo D chạy đến, bị cáo D dùng súng bắn 02 phát về hướng anh Th đang bỏ chạy. Sau đó, bị cáo D kêu bị cáo T điều khiển xe rời khỏi hiện trường, xe của bị cáo Tr chở bị cáo K, bị cáo P chở bị cáo H cũng chạy tới, cả nhóm đi về chòi giữ vườn của bị cáo T, tất cả để dao tự chế lại vào túi đựng cần câu, sau đó bị cáo D đem cất giấu phía sau chòi. Đến 17 giờ 15 phút ngày 03/01/2021, Cơ quan Công an tiến hành thu giữ hung khí tại khu vực phía sau chòi của bị cáo T, gồm: 01 túi da màu đen, bên trong có 02 cây súng màu đen, nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001055 và nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001058 và 02 hộp tiếp đạn bên trong mỗi hộp có 14 viên đạn; 01 túi vải màu xanh đen bên trong có 04 cây dao tự chế bằng kim loại.

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 08/CN-BV ngày 05/01/2021 của Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh Tiền Giang thể hiện: Anh Phạm Văn Long Th vào viện lúc 23 giờ 40 phút ngày 02/01/2021, ra viện lúc 08 giờ 39 phút ngày 03/01/2021, tình trạng thương tích: sưng đau trán phải, sây sát da rải rác.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 61/2021/TgT ngày 06/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận anh Phạm Văn Long Th: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 21% (hai mươi một phần trăm). Tại Văn bản số 100/TgT ngày 01/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang xác định thương tích của Phạm Văn Long Th: Thương tích do hỏa khí có mảnh sát thương gây nên là 9%; thương tích do vật tày gây nên là 13 %; tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm Văn Long Th là 21%, theo

nguyên tắc cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 03/01/2021, ghi nhận và thu giữ 07 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng, trong đó có 03 vỏ đạn có chữ “9 mm PAK YAS GLD” và 04 vỏ có ký hiệu “9 mm PA OZK” nằm dọc theo mặt đường hướng Ngã tư H – T, trong đó có 02 vỏ nằm cách vị trí xe mô tô 63P1 – 107.34 là 4,80 m. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 01 cái áo của anh Th đã mặc khi bị gây thương tích.

Theo Kết luận giám định số 380/C09B ngày 28/01/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định:

02 khẩu súng ngắn gửi giám định là súng bắn đạn cao su, nằm trong danh mục công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng. Sử dụng khẩu súng nêu trên bắn đạn phù hợp đến cơ thể người có thể gây thương tích;

28 viên đạn và 07 vỏ đạn gửi giám định là đạn cao su và vỏ của đạn cao su, nằm trong danh mục công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng. Đạn được sử dụng để bắn với các loại súng công cụ hỗ trợ có đường kính nòng súng 9 mm. Sử dụng súng phù hợp bắn với các viên đạn này tới cơ thể người có thể gây thương tích;

Dấu vết trượt sần vải, in bám chất màu đen bên phải phía trước áo sơ mi gửi giám định có đặc điểm chung phù hợp do đạn cao su bắn tới áo đang mặc tạo ra.

Theo kết luận giám định số 2075/C09B ngày 19/4/2021 của của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: 07 vỏ đạn bắn gửi giám định là do khẩu súng ZOKAKI 2914-T, số hiệu 1219-001058 bắn ra.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 khẩu súng màu đen, nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001055 và nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001058; 22 viên đạn loại màu vàng đồng, đầu đạn màu đen, đường kính mỗi viên 9 mm; 03 vỏ đạn có chữ 9 mm PAK YAS GLD; 04 vỏ có ký hiệu 9 mm PA OZK; 01 túi da màu đen; 01 túi đựng cần câu màu xanh đen; 04 cây dao tự chế: 03 cây dao tự chế loại dài 110 cm, cán bằng cây dài 29,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 80,5 cm, bản đẹp, mũi nhọn nơi rộng nhất 3,5 cm; 01 cây dao tự chế dài 77 cm, cán bằng cây dài 27 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 50 cm, bản đẹp, mũi nhọn, nơi rộng nhất 3 cm; 01 áo sơ mi dài tay và 01 quần Jean màu xanh; 03 xe mô tô, gồm: 01 xe hiệu Sonic biển số 63P1–331. do Phạm Văn T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 xe hiệu Sonic biển số 63P1–296. do Võ Văn H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 xe hiệu Vario biển số 63P1–359. do Nguyễn Minh Th2, địa chỉ: ấp B, xã K, huyện C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Quá trình điều tra đã làm rõ, xe mô tô biển số 63P1–331. do Phạm Văn T đứng tên là tài sản chung của bị cáo T và chị Lê Thị Ng (vợ bị cáo T); xe mô tô biển số 63P1–296. do bà Th (mẹ ruột bị cáo H) sử dụng tiền mua, cho H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; xe mô tô 63P1–359. anh Nguyễn Minh Th2 đã bán lại cho người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bị cáo Tr mua xe trên sử

dụng nhưng chưa làm làm thủ sang tên. Hiện, tất cả các vật chứng, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, chờ xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Ngày 29/5/2021, bà Th là mẹ ruột của bị cáo H tự nguyện nộp số tiền bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng; chị Ng là vợ của bị cáo T tự nguyện nộp số tiền bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng. Đến ngày 21/6/2021, bị hại anh Th đã thỏa thuận và nhận của chị Ng 50.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và tự nguyện làm đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự, bãi nại trách nhiệm dân sự cho các bị cáo, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSHCL ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc D, Phạm Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Hoàng P và Phan Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Ng là vợ bị cáo T xác định, trong số tiền 50.000.000 đồng có tiền của gia đình các bị cáo D, Trong, K, P, mỗi gia đình 10.000.000 đồng. Đồng thời xin nhận lại chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng và số tiền 10.000.000 đồng đã nộp trước. Không yêu cầu bị cáo T phải trả lại.

Bà Th là mẹ của bị cáo H cũng xin nhận lại xe mô tô vì đây là tiền của bà bỏ ra mua xe, để gia đình sử dụng chung và số tiền 10.000.000 đồng đã nộp trước. Không yêu cầu bị cáo H phải trả lại.

Tại phiên tòa, ông Hồng, bà Hai, bà Diệu, bà Ánh đều xác định đã bỏ tiền ra bồi thường thay cho các bị cáo D, Trong, K, P, nhưng không yêu cầu trả lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên, khẳng định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy đúng quy định của pháp luật và đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc D, Phạm Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Hoàng P và Phan Văn K về tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo D mức án từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giam trước đó;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giam trước đó;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giam trước đó;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tr mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giam trước đó;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo P mức án tù 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giam trước đó;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo K mức án tù 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giam trước đó.

Về xử lý vật chứng: 02 khẩu súng màu đen, nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001055 và nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001058; 22 viên đạn loại màu vàng, đầu đạn màu đen, đường kính mỗi viên 9 mm; 03 vỏ đạn màu vàng, đáy vỏ có chữ PAK YAS 9 mm GLD; 04 vỏ đạn màu vàng, đáy vỏ có ký hiệu OZK 9 mm PA; 01 túi da màu đen; 01 túi đựng cần câu màu xanh đen; 03 cây dao tự chế có đặc điểm giống nhau, mỗi cây dài 110 cm, cán bằng cây dài 29,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 80,5 cm, bản đẹp, mũi nhọn nơi rộng nhất 3,5 cm; 01 cây dao tự chế dài 77 cm, cán bằng cây dài 27 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 50 cm, bản đẹp, mũi nhọn, nơi rộng nhất 3 cm; 01 áo sơ mi dài tay và 01 quần Jean màu xanh là vật cầm tàng trữ, lưu hành, vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Trả lại cho bà Đồng Thị Th 01 mô tô, biển số 63P1-296. và số tiền 10.000.000 đồng.

Trả lại cho chị Lê Thị Ng 01 mô tô, biển số 63P1-331. và số tiền 10.000.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Tr 01 xe mô tô, biển số 63P1-359..

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường thiệt hại xong, không yêu cầu gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy mình có lỗi vi phạm pháp luật, các bị cáo xin hứa sẽ không tái phạm. Do đó, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để về với gia đình, chăm lo làm ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo D, T, H, Tr, P và K đều thừa nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng,

phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo D, T, H, Tr, P và K đã có hành vi chuẩn bị dao tự chế và súng bắn đạn cao su là vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm chặn anh Th gây thương tích; sử dụng xe mô tô truy đuổi, dùng dao tự chế, súng để chém, bắn anh Th, làm anh Th điều khiển xe bị té ngã trên Đường tỉnh 864, đoạn thuộc ấp B2, xã T, huyện C, gây thương tích cho Th với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 21%.

Cho nên đã có đủ cơ sở tuyên bố các bị cáo D, T, H, Tr, P và K phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, các bị can phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Bị cáo D là người khởi xướng, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo T, H, Tr, P và K đồng phạm trong vụ án với vai trò giúp sức.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, trực tiếp gây hậu quả về mặt sức khỏe và tinh thần đối với người bị hại, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, cần phải xử phạt mức án nghiêm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt. Để cụ thể hoá hình phạt đối với từng bị cáo thì cần được xác định như sau:

Bị cáo Nguyễn Quốc D là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Th và thực hiện đến cùng nên bị cáo giữ vai trò chính. Do đó, bị cáo phải chịu mức án cao nhất so với các bị cáo khác.

Bị cáo Phạm Văn T tuy chỉ đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo D. Tuy nhiên, bị cáo là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chở bị cáo D đuổi theo anh Th, tiếp cận anh Th ở cự ly gần để bị cáo D gây thương tích cho anh Th. Do đó, buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà mình đã gây ra nhưng thấp hơn so với bị cáo D, cao hơn các bị cáo Tr, H, P và K.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc Tr, Võ Văn H, Nguyễn Hoàng P và Phan Văn K cũng đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Dung. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ dùng xe mô tô đuổi theo hướng của anh Th, nhưng không tiếp cận ở cự ly gần nên xác định các bị cáo giữ vai trò giúp sức thứ yếu. Do đó, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi của mình nhưng thấp hơn so với bị cáo T, nhưng có xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo D có 01 tiền sự vì đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo T có 02 tiền sự vì đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng súng cò và hành vi đánh nhau. Bị cáo Tr có nhân thân xấu vì năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử 05 năm tù về tội cố ý gây thương tích, đã xóa án tích.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện

bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, tỏ thái độ biết ăn năn hối cải; người bị hại anh Th có đơn rút yêu cầu xử lý hình sự; các bị cáo Tr, H, K gia đình có công với cách mạng; cha, mẹ bị cáo Tr bị bệnh tai biến, chấn thương sọ não; bị cáo T, bị cáo H có con nhỏ chưa đủ 01 tuổi, hiện là lao động chính của gia đình là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng các bị cáo D, Tài, H, K đã tích cực hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra, cung cấp thông tin làm rõ nhiều tình tiết liên quan trong điều tra tội phạm trong vụ án khác mà các bị cáo là người làm chứng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét chị Nh đi cùng xe với anh Th, bị thương khi bị té xe, nhưng chị Nh không yêu cầu giải quyết và làm đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: 02 khẩu súng màu đen, nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001055 và nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001058; 22 viên đạn loại màu vàng, đầu đạn màu đen, đường kính mỗi viên 9 mm; 03 vỏ đạn màu vàng, đáy vỏ có chữ PAK YAS 9 mm GLD; 04 vỏ đạn màu vàng, đáy vỏ có ký hiệu OZK 9 mm PA; 01 túi da màu đen; 01 túi đựng cần câu màu xanh đen; 03 cây dao tự chế có đặc điểm giống nhau, mỗi cây dài 110 cm, cán bằng cây dài 29,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 80,5 cm, bản đẹp, mũi nhọn nơi rộng nhất 3,5 cm; 01 cây dao tự chế dài 77 cm, cán bằng cây dài 27 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 50 cm, bản đẹp, mũi nhọn, nơi rộng nhất 3 cm; 01 áo sơ mi dài tay và 01 quần Jean màu xanh là vật cầm tàng trữ, lưu hành, vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Xe mô tô biển số 63P1-331. do bị cáo T đứng tên giấy đăng ký xe, sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng đây là tài sản chung của bị cáo T và vợ là chị Ng, chị Ng không biết bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho chị Ng.

Xe mô tô biển số 63P1-296. do bà Th là mẹ ruột của bị cáo H, sử dụng tiền mua để sử dụng chung trong gia đình, nhưng cho bị cáo H đứng tên giấy đăng ký xe. Bà Th và thành viên trong gia đình không biết bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bà Th.

Đối với xe mô tô 63P1-359. mà anh Nguyễn Minh Th2 đã bán lại cho người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bị cáo Tr mua xe trên sử dụng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Tuy bị cáo Tr đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức thứ yếu nên trả lại cho bị cáo Tr.

Mặt khác, trách nhiệm dân sự các bị cáo đã thực hiện xong nên không cần phải tiếp tục tạm giữ các xe mô tô nêu trên.

Xét bà Th và chị Ng mỗi người nộp 10.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cai Lậy để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, sau đó gia đình các bị cáo đã đền bù thiệt hại xong nên trả lại cho bà Th, chị Ng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận 50.000.000 đồng tiền đền bù thiệt hại, không yêu cầu gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Bản cáo trạng số 43/CT-VKSHCL ngày 30/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc D, Phạm Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Hoàng P và Phan Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự và đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt đề nghị áp dụng cho các bị cáo T, Tr, H, P và K là nặng so với tính chất, mức độ của hành vi, vai trò đồng phạm, cũng như nhân thân của các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc D, Phạm Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Hoàng P và Phan Văn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 3 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2021, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 2 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2021, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

1.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Tr 1 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2021, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 27/8/2021.

1.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn H 1 (Một) năm 3 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2021, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

1.5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 1 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2021, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2021 đến ngày 01/9/2021.

1.6. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn K 1 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu, tiêu hủy 02 khẩu súng màu đen, nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001055 và nhãn hiệu ZOKAKI 2914-T số hiệu 1219-001058; 22 viên đạn loại màu vàng, đầu đạn màu đen, đường kính mỗi viên 9 mm; 03 vỏ đạn màu vàng, đáy vỏ có chữ PAK YAS 9 mm GLD; 04 vỏ đạn màu vàng, đáy vỏ có ký hiệu OZK 9 mm PA; 01 túi da màu đen; 01 túi đựng cần câu màu xanh đen; 03 cây dao tự chế có đặc điểm giống nhau, mỗi cây dài 110 cm, cán bằng cây dài 29,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 80,5 cm, bản đẹp, mũi nhọn nơi rộng nhất 3,5 cm; 01 cây dao tự chế dài 77 cm, cán bằng cây dài 27 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 50 cm, bản đẹp, mũi nhọn, nơi rộng nhất 3 cm; 01 áo sơ mi dài tay và 01 quần Jean màu xanh.

2.2. Trả lại cho bà Đồng Thị Th 01 mô tô, biển số 63P1-296. và số tiền 10.000.000 đồng.

2.3. Trả lại cho chị Lê Thị Ng 01 mô tô, biển số 63P1-331. và số tiền 10.000.000 đồng.

2.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Tr 01 xe mô tô, biển số 63P1-359..

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quản lý (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/7/2021).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc D, Phạm Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Hoàng P và Phan Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA huyện Cai Lậy;
- Nhà tạm giữ CA huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các bị cáo, bị hại và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức